

Số: 521/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 24 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức xác định giá đất cụ thể
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 151/TTr-STNMT ngày 16/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện xác định giá đất cụ thể năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La, với những nội dung sau:

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích xác định giá đất cụ thể

Điều tra, xác định giá đất cụ thể được xây dựng và thực hiện hàng năm trên cơ sở Kế hoạch sử dụng đất của cấp huyện (*sau đây gọi là định giá đất cụ thể*). Việc định giá đất cụ thể để làm căn cứ trong các trường hợp quy định tại khoản 4, Điều 114, khoản 2, Điều 172, khoản 3, Điều 189 Luật Đất đai năm 2013; điểm b, khoản 3, Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 4, Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1, Điều 2 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ; khoản 2, Điều 2 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Yêu cầu xác định giá đất cụ thể

- Việc xác định giá đất cụ thể phải được thực hiện khách quan, bảo đảm nguyên tắc và phương pháp định giá đất theo quy định tại Điều 112 Luật Đất đai; các khoản 1, 2, 3 và khoản 4, Điều 4 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Việc lựa chọn đơn vị tư vấn định giá đất phải có đủ năng lực, đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Đất đai.

2. Nội dung thực hiện

2.1. Danh mục các dự án dự kiến cần xác định giá đất cụ thể năm 2021

Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất; thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến cần định giá đất cụ thể trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh như sau:

Tổng số dự án dự kiến cần định giá đất cụ thể trong năm 2021 là 361 dự án với tổng diện tích các loại đất khoảng 1.791,69 ha. Trong đó:

- Dự án xác định giá đất cụ thể để giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư khi đấu giá, đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất: Tổng số 13 dự án với tổng diện tích các loại đất khoảng 93,04 ha (*chi tiết có biểu số 01 kèm theo Quyết định này*);

- Dự án xác định giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất: Tổng số 120 dự án với tổng diện tích các loại đất khoảng 121,07 ha (*chi tiết có biểu số 02 kèm theo Quyết định này*); ✓

- Dự án xác định giá đất cụ thể để thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng: Tổng số 203 dự án với tổng diện tích các loại đất khoảng 1.559,25 ha (*chi tiết có biểu số 03 kèm theo Quyết định này*);

- Dự án xác định giá đất cụ thể giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất: Tổng số 25 dự án với tổng diện tích các loại đất khoảng 18,33 ha (*chi tiết có biểu số 04 kèm theo Quyết định này*);

- Tổng số đơn vị tư vấn dự kiến thực hiện xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Sơn La là 12 đơn vị (*chi tiết tại biểu số 05 kèm theo Quyết định này*).

2.2. Thời gian thực hiện dự án

Thực hiện xác định giá đất cụ thể theo tiến độ của từng công trình, dự án trên địa bàn các huyện, thành phố trong năm 2021.

2.3. Kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể

Kinh phí thực hiện xác định giá đất cụ thể của các dự án được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4, Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra UBND các huyện, thành phố trong tổ chức thực hiện theo Quyết định này, tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Kiểm tra, đánh giá kết quả việc xác định và phương án giá đất theo đề nghị của UBND cấp huyện trước khi trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của tỉnh để thẩm định.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể theo thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của tỉnh cho từng dự án theo quy định.

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện xác định giá đất cụ thể theo kế hoạch.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện xác định giá đất cụ thể tại Quyết định này và các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra và kiểm toán; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

2. Sở Tài chính

- Là cơ quan Thường trực của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ xác định giá đất cụ thể theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện theo Quyết định này, tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Bố trí kinh phí xác định giá đất cụ thể cho các đơn vị để triển khai thực hiện theo quy định.

3. UBND các huyện, thành phố

- Thực hiện nhiệm vụ xác định giá đất cụ thể theo quy định của pháp luật hiện hành; xây dựng phương án giá đất và báo cáo thuyết minh gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của tỉnh để thẩm định theo quy định.

- Cân đối, bố trí kinh phí cho công tác xác định giá đất cụ thể đối với các dự án, phương án được giao theo Luật Ngân sách nhà nước.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu của các công trình, dự án cần xác định giá đất cụ thể tại Quyết định này và các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra và kiểm toán; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Hậu



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ ĐỀ ĐẦU GIÁ ĐẤT, ĐẦU THẦU CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CÓ SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cô phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng dự án	13	93,04						
I	Thành phố Sơn La	11	53,48						
1	Dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng An (đợt 2)	Phường Chiềng An	4,00	Đất ở	Lâu dài	QĐ 955/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các dự án có đầu tư xây dựng nhà ở thương mại công bố lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2018	Quý I, Quý II	70	
2	Dự án Khu đô thị số 2, phường Chiềng An	Phường Chiềng An	3,50	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	QĐ 955/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các dự án có đầu tư xây dựng nhà ở thương mại công bố lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2018	Quý I, Quý II	90	
3	Dự án Khu đô thị bản Buồn, bản Mé, phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi	2,40	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	QĐ 955/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các dự án có đầu tư xây dựng nhà ở thương mại công bố lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2018	Quý III	100	

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cơ phần	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
4	Dự án Khu đô thị bản Buôn, phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi	1,40	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	QĐ 955/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các dự án có đầu tư xây dựng nhà ở thương mại công bố lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2018	Quý I, Quý II	100	
5	Dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng Sinh	Phường Chiềng Sinh	4,40	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	QĐ 415/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu công viên, hồ điều hòa, trung tâm thương mại kết hợp với nhà ở	Quý IV	110	
6	Dự án khu dân cư tổ 2, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	Phường Quyết Thắng	0,50	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	CV 667/UBND-TH ngày 02/3/2018 chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Quý IV	52	
7	Dự án Khu dân cư tổ 9, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La	Phường Quyết Tâm	0,13	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	QĐ 349/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tổ 9 phường Quyết Tâm	Quý IV	46	
8	Dự án Khu dân cư mới tổ 12, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	Phường Quyết Thắng	0,61	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	QĐ 348/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND thành phố Sơn La về phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tổ 12 phường Quyết Thắng	Quý IV	53	
9	Dự án Khu đô thị phường Chiềng Lè và Chiềng An, thành phố Sơn La	Phường Chiềng An, Chiềng Lè	2,20	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	Công văn số 3260/UBND-KT ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị phường Chiềng Lè và Chiềng An	Quý III	85	

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cơ phần	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
10	Dự án cải tạo mặt bằng Khu trung tâm hành chính, quảng trường (dự án BT) - Bản Pốt	Phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	16,70	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	Quyết định 2128/QĐ-UBND, ngày 28/8/2018 của UBND thành phố Sơn La về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị Pốt Nội phường Chiềng Cơi, Thành phố Sơn La; Thông báo số 270/TB-VPUB ngày 30/7/2020 của Văn phòng UBND tỉnh; Thông báo số 295/TB-VPUB ngày 24/8/2020 của Văn phòng UBND tỉnh	Quý III	80	
11	Dự án Khu đô thị mới Cò Nòi, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn	Xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn	17,64	Đất ở	Lâu dài	Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	150	
II	Huyện Mộc Châu	2	39,56						
1	Khu nhà ở dân cư tiểu khu 10	Tiểu khu 10, TT Mộc Châu	1,627	ODT	Lâu dài	Quyết định số 1704/QĐ-UB ngày 13/8/2018 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	17,0	
2	Quy hoạch khu dân cư dọc suối Ang, TT Nông Trường Mộc Châu	Thị trấn NT Mộc Châu	37,928	ODT, TMD	Lâu dài; 50 năm	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	38,0	



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ ĐỀ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số dự án	120	121,07						
I	Thành phố Sơn La	8	20,97						
1	Đầu giá Khu quy hoạch dân cư tổ 12, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La (khu đất thu hồi của Công ty cổ phần xây dựng II).	Quyết Thắng	0,242	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	30	
2	Đầu giá khu quy hoạch dân cư bản Mé Ban, phường Chiềng Cơi (khu đất Nhóm Sông Hồng)	Chiềng Cơi	0,5514	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV	30	
3	Đầu giá Khu đất HTX mua bán Chiềng Lè, thành phố Sơn La	Chiềng Lè	0,0396	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV	30	
4	Đầu giá khu đất Công ty cổ phần Hoa Ban	Chiềng Lè	0,0964	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV	30	
5	Khu quy hoạch dân cư và dịch vụ đoạn cầu Coóng Nọi - Viện đường lão thành phố Sơn La	Chiềng Cơi	0,3000	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV	30	
6	Hai thửa đất thuộc tuyến đường 2A khu Quảng trường, ao cá Bắc Hồ.	Tô Hiệu	0,150	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	30	
7	Khu đất thu hồi của Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh tại phường Chiềng Sinh.	Chiềng Sinh	0,2719	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	30	
8	Khu đất Nghĩa trang nhân dân thành phố tại khu Phiêng Khá, phường Chiềng Cơi.	Chiềng Cơi	19,3194	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	30	
II	Huyện Mường La	13	6,22						
1	Đầu giá đất khu bưu điện Nà Kè cũ	TT Ít Ong	0,66	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	2,02	

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích, cần định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
2	Đầu giá đất khu đối diện bệnh viện mới (VT1)	TT Ít Ong	0,14	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	0,43	
3	Đầu giá đất khu đối diện bệnh viện mới (VT2)	TT Ít Ong	0,34	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	1,04	
4	Đầu giá đất khu đối diện bệnh viện mới (VT3)	TT Ít Ong	0,09	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	0,27	
5	Đầu giá đất Lô số 16 khu dân cư Trung tâm xã Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến	0,05	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	0,15	
6	Đầu giá đất Khu đối diện Trung tâm Chính trị (TK1)	TT Ít Ong	0,04	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	0,12	
7	Đầu giá Khu đất bãi bán củ, tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong	TT Ít Ong	0,01	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	0,03	
8	Đầu giá Khu đất chứa mẫu nồn khoan của Công ty thủy điện Sơn La	TT Ít Ong	0,01	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	0,03	
9	Đầu giá đất khu đất Hiệu sách (cũ) tại bản Văn Mình, xã Mường Bú	Xã Mường Bú	0,01	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	0,03	
10	Đầu giá đất kho lương thực Sơn La (cũ) tại TK 1	TT Ít Ong	0,22	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV	0,67	
11	Đầu giá cho thuê đất khu đất bãi thải thủy điện Huổi Quảng trả lại cho huyện Mường La tại bản Nà Cường	Xã Chiềng Lao	3,00	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	9,17	
12	Đầu giá cho thuê đất trả tiền hàng năm khu đất điểm trường Lô cốt tại bản Mường Chiến, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Xã Ngọc Chiến	1,40	DGD	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	4,28	
13	Đầu giá cho thuê đất Khu đất canh nghĩa trang nhân dân huyện Mường La	TT Ít Ong	0,25	SKC	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	0,76	
III	Huyện Quỳnh Nhai	17	13,06						
1	Khu Trung tâm xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay	0,06	ONT	Lâu dài	Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý II, III	15	
2	Đầu giá các thửa đất còn lại tại Phiềng Lanh	Xã Mường Giàng	0,13	ONT	Lâu dài	Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh Sơn La	Quý II, III	30	
3	Đầu giá các thửa đất còn lại tại Phiềng Nèn	Xã Mường Giàng	0,07	ONT	Lâu dài	Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh Sơn La	Quý II, III	15	
4	Khu đất ở tại đầu cầu Pá Uốn xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn	0,28	ONT	Lâu dài	Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý II, III	15	

STT	Tên đơn vị, người thụ hưởng (Mục đích cần định giá/ Cơ quan chịu trách nhiệm)	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
5	Khu đất để xây dựng cầu số 2 đến ngã ba Đàng Nhân dân huyện Quỳnh Nai (X4, X5, X6)	Xã Mường Giàng	0,69	ONT	Lâu dài	Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện Quỳnh Nai	Quý II, III	30	
6	Đầu giá khu ngã ba Huổi Cuổi xã Chiềng Bằng	Xã Chiềng Bằng	0,90	ONT	Lâu dài	Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 10/10/2011 của UBND huyện Quỳnh Nai	Quý II, III	30	
7	Khu Trạm Y tế cũ xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	0,05	ONT	Lâu dài	Quyết định số 2294/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND huyện Quỳnh Nai	Quý II, III	15	
8	Dự án san nền và các hạng mục phụ trợ khu TT xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	0,11	ONT	Lâu dài	Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 04/10/2017 của UBND huyện Quỳnh Nai	Quý II, III	20	
9	Khu Trung tâm xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	0,10	ONT	Lâu dài	Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 27/9/2012; Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	Quý II, III	15	
10	Đầu giá Khu Trung tâm xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng	0,03	ONT	Lâu dài	Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND huyện Quỳnh Nai	Quý II, III	15	
11	Đầu giá Khu Trung tâm xã Mường Chiên	Xã Mường Chiên	0,06	ONT	Lâu dài	Quyết định số 3355/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND huyện Quỳnh Nai	Quý II, III	15	
12	Đầu giá Khu Trung tâm xã Mường Sại	Xã Mường Sại	0,18	ONT	Lâu dài	Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND huyện Quỳnh Nai	Quý II, III	15	
13	Đầu giá quyền thuê đất nông nghiệp tại bản Pá Uôn, xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	7,13	NN	50 năm	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh	Quý II, III	30	
14	Đầu giá đất TMDV bản Hát Lay (nay là bản Đồng Tâm) xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn	0,30	TMDV	50 năm	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh; Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II, III	30	
15	Đầu giá cho thuê đất TMDV xóm 4 xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	0,23	TMDV	50 năm	Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh Sơn La	Quý II, III	30	
16	Đầu giá thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bản Huổi Ná	Xã Chiềng Ôn	0,47	SXKD	50 năm	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II, III	30	
17	Đầu giá khu đất thương mại, dịch vụ bản Khoang	Xã Pá Ma Pha Khinh	2,27	TMDV	50 năm	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II, III	30	
IV	Huyện Thuận Châu	7	1,35						
	<i>Dự án chuyển tiếp năm 2020</i>								
1	Đầu giá đất ở khu đất trường đại học Tây Bắc	Thị trấn Thuận Châu	0,34	ODT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	23	

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích sử dụng đất/ phân loại	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
2	Đầu giá đất ở khu đất chợ cũ thị trấn	Thị trấn Thuận Châu	0,06	ODT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	23	
3	Đầu giá đất ở khu đất chợ trung tâm xã Nong Lay	Xã Nong Lay	0,23	ONT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	23	
4	Đầu giá đất ở khu đất trạm khuyến nông xã Phông Lái	Xã Phông Lái	0,03	ONT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	23	
5	Đầu giá đất ở khu chợ trung tâm xã Phông Lái (02 lô trong)	Xã Phông Lái	0,02	ONT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	23	
Dự án năm 2021									
1	Đầu giá đất ở khu đất chợ cũ trung tâm xã Nong Lay	Xã Nong Lay	0,05	ONT	Lâu dài	Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh	Quý IV	23	
2	Đầu giá đất ở khu đất hạ tầng trung tâm xã Nong Lay	Xã Nong Lay	0,62	ONT	Lâu dài	Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh	Quý IV	23	
V	Huyện Sốp Cộp	7	4,30						
1	Đầu giá điểm sắp xếp dân cư khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp	Bản Sốp Cộp, Hua Mường, Xã Sốp Cộp	0,80	ODT	Lâu dài	NQ số 132/NQ-HĐND ngày 17/7/2019, QH, KHSD đất năm 2021	Quý II, III	120,0	
2	Đầu giá phía bên phải đường nút (N12--N14) từ Cầu Nặm Ca đến nghĩa trang Liệt sỹ huyện Sốp Cộp	Bản Sốp Nặm, Xã Sốp Cộp	0,13	ODT	Lâu dài	QH, KHSD đất 2021	Quý II, III	25,0	
3	Đầu giá thuê quyền SD đất trồng cây lâu năm	Sốp Nặm, Xã Sốp Cộp	1,61	CLN	50 năm	QH, KHSD đất 2021	Quý II, III	120,0	
4	Khu hạ tầng dân cư lâm trường cũ (các khu đất ngoài các thửa đất đầu giá năm 2020)	Bản Sốp Nặm, Xã Sốp Cộp	0,320	ODT	Lâu dài	QH, KHSD đất 2021	Quý II, III	50,0	
5	Đầu giá đất khu đất UBND xã Sốp Cộp cũ	Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp	0,024	ODT	Lâu dài	QH, KHSD đất 2021	Quý II, III	40,0	
6	Thửa đất số 6 khu vực D87-D86; D84-D84 và D87-D84-D55	Bản Sốp Cộp, xã Sốp Cộp	0,012	ODT	Lâu dài	QH, KHSD đất 2021	Quý II, III	10,0	
7	Khu Lò gạch Mường Và	Bản Mường, xã Mường Và	1,40	TMD	50 năm	QH, KHSD đất 2021	Quý II, III	150,0	
VI	Huyện Sông Mã	4	1,30						
1	Khu 6, khu 9 thị trấn Sông Mã	Xã Nà Nghịu	0,55	ONT	Lâu dài		Quý IV	48,0	

STT	Tên danh mục dự án/ Mục đích cần định giá/ Cấp phân hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
2	Đàn giá khu đất nhà khách huyện Sông Mã (cũ)	Tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã	0,506	ODT	Lâu dài	Đã có trong KHSD đất năm 2021 huyện Sông Mã	Quý III	17,5	
3	Nhà Văn hóa tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã (cũ)	Tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã	0,110	ODT	Lâu dài		Quý II	18,3	
4	Khu dân cư mới xã Yên Hưng (Đầu giá khu đất Trầm Y tế xã Yên Hưng cũ)	Bản Pái, xã Yên Hưng	0,135	ONT	Lâu dài	Đã có trong KHSD đất năm 2021 huyện Sông Mã	Quý III	20,8	
VII	Huyện Vân Hồ	20	12,47						
1	Lô số 24A theo quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,344	ODT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
2	Lô số 24B theo quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,36	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
3	Khu đất giáp đường 31,5m đầu tuyến tiểu khu sao số 1 (tính lộ 101 đi xuống trung tâm hành chính, chính trị huyện (góc đa đi xuống))	xã Vân Hồ	0,32	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
4	Lô số 31 theo quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,48	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
5	Lô số 19 theo quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,1	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	10	
6	Lô số 19 (giáp lô số 24A) theo quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,36	ODT	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
7	Khu đất đôi hoa Ban theo chi tiết trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,348	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
8	Khu đất dân cư lô số 40 bến xe cũ (đã điều chỉnh quy hoạch) giáp lô số 31 (quy hoạch chợ)	xã Vân Hồ	0,52	ODT	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
9	Khu đất đối diện Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng huyện	xã Vân Hồ	5,0	ONT	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	150	
10	Trụ sở tạm Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	2	ONT	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	100	
11	Khu đất quy hoạch hạt kiểm lâm cũ (gần quán trường)	xã Vân Hồ	0,4	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
12	Đất cung giao thông bản Mến	xã Tô Múa	0,04	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	10	

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích, cần định giá/ Lô thửa hòa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
13	Khu dân cư đô thị thuộc Khu vực Mộc Châu - Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,4	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
14	21 thửa đất thuộc lô số 24, khu trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,45	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
15	Lô 34 trung tâm hành chính huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,6	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
16	Khu đất nhà đội thuế Khu vực Mộc Châu - Vân Hồ	xã Tô Múa	0,03	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	10	
17	Khu đất giáp lô 19 (gần Bưu điện)	xã Vân Hồ	0,05	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	10	
18	13 thửa đất đơn lẻ trong Khu dân cư thuộc trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,26	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
19	13 thửa đất tiếp giáp với đường 23,5m, thuộc khu giao đất cho cán bộ, công chức, viên chức và các hộ gia đình phải di chuyển chỗ ở để thực hiện các dự án, thuộc trung tâm hành chính huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,26	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
20	Khu đất bản Bồng Hà, xã Chiềng Yên (Đồi điện UBND xã)	xã Chiềng Yên	0,15	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	10	
VIII	Huyện Mộc Châu	27	44,53						
1	Khu đô thị Tây Tiến, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 12, 13, TT Mộc Châu	0,917	ODT	Lâu dài	Quyết định số 1949/QĐ-UB ngày 17/9/2018 của UBND huyện Mộc Châu	Quý I	9,0	
2	Khu đất Công ty CP Đầu tư xây dựng Mộc Châu trả lại tại tiểu khu 3/2, thị trấn NT Mộc Châu	Tiểu khu 32, thị trấn NT Mộc Châu	1,200	ODT, TMD	Lâu dài; 50 năm	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý I	12,0	
3	Khu đất Trung tâm hành chính mới (Khu trên Trường Mầm non Little Star đang xây dựng)	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu							
-	Đất hỗn hợp HH 05 (QH Nhà máy may cũ)	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	2,035	SKC	50 năm	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý I	20,0	
-	Đất sản xuất kinh doanh SKC	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	0,237	SKC	50 năm	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý I	2,0	
-	Đất ở phân lô	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	1,594	ODT	Lâu dài	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý I	15,0	

STT	Tên danh mục dự án/ Mục đích cần định giá/ Cơ quan hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
4	Thửa đất thu hồi của ông Lê Đại Hưng tại TK 77	Tiểu khu 77, thị trấn NT Mộc Châu	0,005	ODT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý I	0,5	
5	Thửa đất thu hồi khu đất dồn Mộc Lý (thửa đôi đư)	Tiểu khu 12, TT Mộc Châu	0,003	ODT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý I	0,3	
6	Khu dân cư Bản Nà Bó, xã Mường Sang	Bản Nà Bó, xã Mường Sang	1,298	ONT	Lâu dài	Quyết định số 3222/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND huyện Mộc Châu	Quý II	13,0	
7	Khu đất ao Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên, tiểu khu 40, thị trấn NT Mộc Châu	Tiểu khu 40, thị trấn NT Mộc Châu	0,489	TMD	50 năm	Quyết định 1901/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND huyện Mộc Châu	Quý II	5,0	
8	Khu đất HTX Hợp Nhất (cũ), tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 1, TT Mộc Châu	2,700	TMD	50 năm	Quyết định 1299/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý II	27,0	
9	Khu đất thu hồi của Công ty CP Hương Sen tại Tiểu khu 40, thị trấn Nông Trường Mộc Châu	Tiểu khu 40, thị trấn NT Mộc Châu	0,005	ODT	Lâu dài	Quyết định 522/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND huyện Mộc Châu	Quý II	0,5	
10	Khu dân cư Trung tâm hành chính tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu (Lô đất ODB)	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	0,943	ODT	Lâu dài	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý III	10,0	
11	Khu đất SKH 03, Trung tâm hành chính tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	1,233	ODT	Lâu dài	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý III	12,0	
12	Khu dân cư đường Nghị định 10 tại bản Áng, xã Đông Sang	Bản Áng, xã Đông Sang	0,861	ONT	Lâu dài	Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý III	9,0	
13	Khu đất ở 02 bên tuyến đường từ Quốc lộ 6- Quốc lộ 43 phía sau Khách sạn Mường Thanh. Tiểu khu Nhà Nghỉ, TINT Mộc Châu	Tiểu khu 32, tiểu khu Nhà nghỉ thị trấn NT Mộc Châu	0,806	ODT	Lâu dài	Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Mộc Châu	Quý III	8,0	
14	Khu đất trạm y tế (cũ) xã Tân Lập	Bản Hoa, xã Tân Lập	0,055	ONT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	1,0	
15	Khu đất trạm thu mua sữa (cũ) xã Tân Lập	Bản Hoa, xã Tân Lập	0,062	ONT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	1,0	
16	Khu đất chợ Nà Mường (cũ), xã Nà Mường	Bản Đoàn kết, xã Nà Mường	0,023	ONT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	0,3	
17	Khu đất điều chỉnh quy hoạch bến xe (cũ) theo QH Nông thôn mới - xã Hua Păng	Bản Nà Sải, xã Hua Păng	0,035	ONT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	0,4	
18	Khu đất Công ty CP đầu tư xây dựng tại tiểu khu Bó Bun, TTNT Mộc Châu	Tiểu khu Bó Bun, thị trấn NT Mộc Châu	0,700	SKC	50 năm	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	7,0	
19	Thửa đất Thương mại dịch vụ (Đổi diện DA Tòa nhà Đông Dương)	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	0,871	TMD	50 năm	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	9,0	

STT	Tên danh mục dự án (Mục đích cần định giá/ Cổ phần hóa)	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
20	Thửa đất Thương mại dịch vụ (QH) Bưu điện, Viễn thông cũ, Đô thị Quảng Trường)	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	0,613	TMD	50 năm	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	6,0	
21	Khu đất dự kiến quy hoạch Bến xe tại Tiểu khu Vườn Đào, TTNT Mộc Châu	Tiểu khu Vườn Đào, thị trấn NT Mộc Châu	1,096	TMD	50 năm	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	11,0	
22	Khu đất dự kiến quy hoạch chợ đầu mối tại tiểu khu Vườn Đào, TTNT Mộc Châu	Tiểu khu Vườn Đào, thị trấn NT Mộc Châu	1,198	TMD	50 năm	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	12,0	
23	Khu đất dịch vụ hỗn hợp tại TK 14 (giáp cây xăng Thọ Nguyễn)	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	1,442	TMD	50 năm	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	15,0	
24	Khu đất Cục quản lý đường bộ tại TK Nhà Nghỉ, TT Nông Trường Mộc Châu	Tiểu khu Nhà nghỉ, thị trấn NT Mộc Châu	0,032	ODT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	0,4	
25	Khu dân cư tiểu khu 10, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Tiểu khu 10, TT Mộc Châu	1,361	ODT	Lâu dài	Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	14,0	
26	Khu đô thị sinh thái kiểu mẫu 98 ha	Thị trấn NT Mộc Châu	22,684	ODT	Lâu dài	Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	23,0	
27	Khu đất trường Mầm non Tây Tiến (cũ) tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	0,030	ODT	Lâu dài	Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	0,3	
IX	Huyện Mai Sơn	7	0,75						
1	Khu đất quy hoạch đội thuế liên xã số 1	Khu đô thị Ngã ba Cò Nòi	0,046	ONT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	15	
2	Khu dân cư bản Mu Kít, xã Cò Nòi (5 thửa đất còn lại)	Bản Mu Kít, xã Cò Nòi	0,112	ONT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	15	
3	Khu đất thương mại (gần công trường xã Cò Nòi)	Bản Cò Nòi, xã Cò Nòi	0,12	ONT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	15	
4	thửa đất số II/8, khu quy hoạch dân cư tiểu khu 8, thị trấn Hát Lót	Tiểu khu 8, thị trấn Hát Lót	0,007	ODT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	15	
5	Thửa đất số 4B, 5B khu quy hoạch dân cư tiểu khu 4, thị trấn Hát Lót	Tiểu khu 4, thị trấn Hát Lót	0,013	ODT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	15	
6	Khu đất tiểu khu 10, thị trấn Hát Lót	Tiểu khu 10, thị trấn Hát Lót	0,05	ODT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	15	
7	Khu đất bản Bôm cưa, xã Chiềng Mung	Bản Bôm cưa, xã Chiềng Mung	0,4	ONT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý IV	15	
X	Huyện Bắc Yên	5	2,92						
1	Khu dân cư Na Mác bản Chẹn	Bản Chẹn, xã Mường Khoa	0,3298	LUC	Lâu dài	Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý III, IV	10,0	
2	Khu dân cư bản Phúc	Bản Phúc, xã Mường Khoa	0,5798	LUC	Lâu dài	Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý III, IV	10,0	

STT	Tên đơn vị thực hiện dự án/ dự định cần định giá/ Chi phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
3	Khu dân cư Nà Đông Sơn bản Khoa	Bản Khoa, xã Mường Khoa	0,2025	LUC	Lâu dài	Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý III, IV	10,0	
4	Khu dân cư Nà Nong Khong bản Pót	Bản Pót, xã Mường Khoa	0,1148	LUC	Lâu dài	Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý III, IV	10,0	
5	Khu dân cư Nà Vá, Nà Liếm bản Pe	Bản Pe, xã Song Pe	1,690	LUC	Lâu dài	Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý III, IV	30,0	
XI	Huyện Phù Yên	5	13,21						
1	Khu bản Lá xã Gia Phù	Xã Gia Phù	1,10	ONT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	2021	15	
2	Đầu giá nhà khách UBND cũ	Thị trấn Phù Yên	0,07	ODT	Lâu dài	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất: Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của một số cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện Mộc Châu và Phù Yên năm 2019	2021	10	
3	Khu đô thị 2/9 mở rộng (các lô còn lại)	Xã Huy Bắc, xã Huy Hạ	0,57	ODT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	2021	15	
4	Khu đô thị mới Phù Hoa	Xã Quang Huy	9,95	ODT	Lâu dài	Nghị quyết 158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Sơn La	2021	30	
5	Đầu giá Khu đô thị Đồng Đa	Xã Huy Hạ	1,52	ODT	Lâu dài	Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 04/2/2021 của UBND tỉnh Sơn La	2021	15	



QUYẾT ĐỊNH CÁC DỰ ÁN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ ĐỀ BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cấp phát hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của hừa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng dự án	203	1.559,25						
1	Thành phố Sơn La	12	35,78						
1	Trụ sở Tòa án tỉnh	Chiềng Sinh	1,19	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	- Nghị quyết số 212/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về việc thông qua danh mục bổ sung, điều chỉnh các dự án nhà nước thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất. - Công văn số 2319/UBND-KT ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận vị trí, địa điểm, quy mô diện tích để xây dựng Trụ sở Tòa án tỉnh.	Quý I/2021	20	
2	Khu dân cư ngã tư Quyết Thắng - Bản Buôn	Chiềng Cơi, Quyết Tâm, Quyết Thắng	0,4	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	- Quyết định số 589/QĐ-UB ngày 08/3/2004 của UBND tỉnh Sơn La về việc thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân giao cho Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Trường Sơn để triển khai xây dựng khu đô thị mới tại ngã ba Quyết Thắng - thuộc phường Quyết Thắng và bản Buôn - xã Chiềng Cơi - Thị xã Sơn La. - Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 06/9/2013 của UBND tỉnh Sơn La về việc chuyển giao chủ đầu tư dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Ngã tư Quyết Thắng, bản Buôn, thành phố Sơn La.	Quý I/2021	50	
3	Kè suối Nặm La (giai đoạn II) đoạn từ Hồ tuổi trẻ đến cầu Tổng Panh	Chiềng An, Chiềng Xôm	10,52	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	- Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Kè suối Nặm La, thành phố Sơn La. - Quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Kè suối Nặm La (giai đoạn II) đoạn từ Hồ tuổi trẻ đến Cầu Tổng Panh.	Quý I/2021	20	
4	Bệnh viện đa khoa 550 giường	Chiềng Sinh	0,35	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Bệnh viện Đa khoa Sơn La ; - Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND thành phố Sơn La về việc phê duyệt dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất khu vực quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 bệnh viện đa khoa 550 giường tỉnh Sơn La.	Quý I/2021	20	

STT	Tên danh mục dự án/Độc lập căn định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích căn định giá đất (ha)	Loại đất căn định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất căn định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian căn định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
5	Chứng khoán do nhà đầu tư Điện Biên	Phường Tô Hiệu	1,89	Đất ở, đất nông nghiệp, đất kinh doanh dịch vụ	Lâu dài	Nghị quyết HĐND số 240/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý I/2021	20	
6	Khu dân cư Bản Mé Ban, phường Chiềng Cơi	Chiềng Cơi	0,3	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 31/01/2020	Quý I/2021	20	
7	Kê suôi Năm La Lô số 1, Lô số 2	Chiềng Cơi	1	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	Nghị quyết số 72 và 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Quý I/2021	20	
8	Khu dân cư Lô 1A, 1B, 1C	Chiềng Cơi, Hua La	15,2	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	Nghị quyết số 72 và 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Quý I/2021	20	
9	HTX mua bán Chiềng Lê	Chiềng Lê	0,0396	Đất kinh doanh dịch vụ	Lâu dài	Quyết định số 350/QĐ-UBND quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của TP	Quý I/2021	20	
10	Khu dân cư mới phường Quyết thắng	Quyết Thắng	4,47	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 31/01/2020	Quý II/2021	20	
11	Vườn hòa mi ni 26/8 (thu hồi đất của Công ty Đoàn Lộc) Tổ 6 phường Tô Hiệu	Phường Tô Hiệu	0,11	Đất kinh doanh dịch vụ	Lâu dài	Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 17/7/2019	Quý I/2021	20	
12	Trụ sở công an xã Chiềng Ngần	xã Chiềng Ngần	0,31	Đất nông nghiệp	Lâu dài	Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	Quý I/2021	20	
II	Huyện Mường La	38	186,68						
1	Trần địa Pháo phòng không 37	TT Ít Ong	3,70	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	2,83	
2	Trụ sở công an xã Mường Trai	Xã Mường Trai	0,02	CLN	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,06	
3	Trần địa súng máy phòng không 12,7 mm	TT Ít Ong	2,00	NHK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	1,53	
4	Bãi rác thải xã Mường Bú	Xã Mường Bú	3,20	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV năm 2021	1,96	
5	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên lũ ống lũ quét bản Tà Lành và bản Huổi Pù, xã Chiềng Hoa, huyện Mường La	Xã Chiềng Hoa	2,91	HNK; CLN; ONT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	1,11	
6	Bổ trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Lọng Bó, xã Chiềng Công	Xã Chiềng Công	2,50	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	0,95	



STT	Tên danh mục dự án/ dự định, cần định giá/ Cổ phần thuê	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
7	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai ống lủ quét bán Huổi Nặm, xã Chiềng Láo	Xã Chiềng Láo	0,10	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	0,31	
8	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai ống lủ quét bán Huổi Nạ, xã Hua Trai, huyện Mường La	Xã Hua Trai	2,56	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	0,98	
9	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai ống lủ quét bán La Mường và bán Huổi Ban, xã Mường Trai	Xã Mường Trai	0,10	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	0,31	
10	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai ống lủ quét bán Ít, xã Nậm Pấm	Xã Nậm Pấm	0,10	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	0,31	
11	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai ống lủ quét bán Huổi Cỏ, xã Nậm Pấm	Xã Nậm Pấm	3,60	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	1,37	
12	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai ống lủ quét bán Nong xã Chiềng San	Xã Chiềng San	4,90	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	1,87	
13	Kè chống sạt lở khu dân cư suối Mường Bú, xã Mường Bú, huyện Mường La	Xã Mường Bú	2,00	LUC; LUK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	0,76	
14	Đường dây 220KV Huổi Quảng - Nghĩa Lộ	Huyện Mường La	2,51	LUC; HNK; RSX	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	2,56	
15	Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 37 (huyện Bắc Yên) với Quốc lộ 279D (huyện Mường La), tỉnh Sơn La đoạn Km49+522 - Km81+200	Xã Chiềng Hoa và xã Chiềng San	81,11	LUC; HNK; CLN; RSX; NTS; ONT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV năm 2021	30,97	
16	Thủy điện Chiềng Muôn	Xã Chiềng Muôn	0,50	HNK	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,19	
17	Thủy điện Nậm Pàn 5	Xã Mường Bú	13,19	LUC; HNK	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	5,76	
18	Xuất tuyến 110kV sau trạm biến áp 220kV Mường La	Xã Tạ Bú, xã Chiềng San, xã Mường Chùm, TT Ít Ong	2,27	LUC; HNK; CLN; NTS	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	3,47	

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cấp phân hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
19	Quyển đường dây 10KV đầu nối cum thủy điện Chế tạo vào lưới điện Quốc gia	TT Ít Ong, xã Pi Toong, xã Hua Trai	1,10	LUC; CLN; HNK	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	3,36	
20	Hệ thống điện Chiềng Muôn, Ngọc Chiến, Chiềng Ân	Xã Chiềng Muôn	16,32	HNK; CLN	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	3,32	
21	Đường giao thông bản Pá Xá Hồng	Xã Chiềng Ân	16,50	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	6,30	
22	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND- UBND xã Pi Toong, huyện Mường La	Xã Pi Toong	2,50	HNK; CLN	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	3,82	
23	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND- UBND xã Chiềng Ân, huyện Mường La	Xã Chiềng Ân	0,20	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,61	
24	Đường Năm Păm-Ngọc Chiến (Giai đoạn II)	Xã Ngọc Chiến	10,95	LUK; HNK; CLN; ONT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	6,69	
25	Đường dây 220kV Sơn La - Điện Biên	Xã Pi Toong	0,75	LUC; LUK; NHK; RSX	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	2,29	
26	Điểm TĐC xen ghép bản Pét	Xã Tạ Bú	0,85	NHK; CLN	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	2,60	
27	Thủy lợi điểm TĐC xen ghép Nà Sáng	Xã Chiềng Hoa	0,06	LUC; NHK; CLN; NTS	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,18	
28	Đường vào điểm TĐC xen ghép bản Tạ Bú	Xã Tạ Bú	0,59	CLN; NTS; ONT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	1,80	
29	Nước sinh hoạt điểm TĐC xen ghép bản Tạ bú	Xã Tạ Bú	0,01	NHK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,03	
30	Đường nội bộ điểm TĐC xen ghép bản Búng	Xã Tạ Bú	0,21	NHK; CLN; ONT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,64	
31	Nước sinh hoạt điểm TĐC xen ghép bản Búng	Xã Tạ Bú	0,03	NHK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,09	
32	Nước sinh hoạt điểm TĐC xen ghép bản Pá Chiến	Xã Chiềng San	0,02	NHK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,06	
33	Nước sinh hoạt điểm TĐC xen ghép bản Nông Lũng	Xã Chiềng Hoa	0,08	NHK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,24	

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cấp định giá/ Cấp quản lý	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cấp định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cấp định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
34	Nước sinh hoạt cấp 1PC ven đường bên Nà Sàng	Xã Chiềng Hoa	0,07	LUC; NHK; CLN; ONT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,21	
35	Hệ thống điện điểm FDC xen ghép Nà Sàng	Xã Chiềng Hoa	0,05	LUC; CLN	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,15	
36	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia	Xã Chiềng Hoa, xã Chiềng Công và xã Ngọc Chiến	0,04	NHK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,12	
37	Khu du lịch, nghỉ dưỡng Ít Ong	TT Ít Ong	9,00	LUC; NTS	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	5,50	
38	Hầm dẫn nước hạ lưu sau nhà máy thủy điện Mì Háng Tàu	Xã Hua Trai	0,08	NHK	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,24	
III	Huyện Quỳnh Nhai	8	40,52						
1	Chỉnh trang khu dân cư Huổi Cuối, xã Chiềng Bằng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Chiềng Bằng	0,20	HNK, CLN, ONT	Lâu dài	Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý III	15	
2	Sân nền và các hạng mục phụ trợ khu Chợ Huổi Cuối, xã Chiềng Bằng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Chiềng Bằng	1,60	HNK, CLN	Lâu dài	Quyết định số 2067a/QĐ-UBND ngày 13/10/2017; QĐ số 2186/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý III	15	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Nghĩa trang nhân dân huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng	2,00	LUA, HNK, NTS, DHT, CSD	Lâu dài	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý I	15	Dự án đã phê duyet giá đất cụ thể tại QĐ 2516/QĐ-UBND ngày 10/10/2019. Tuy nhiên đến nay chưa thực hiện bồi thường do đó định giá lại do đơn giá đã có sự thay đổi
4	Dự án khu văn hóa tâm linh huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng	18,00	HNK	Lâu dài	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II	20	
5	Sân nền và xây dựng cơ sở hạ tầng khu X4, X5, X7 trung tâm huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng	0,50	HNK	Lâu dài	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý I	10	
6	Đường GTNT liên xã từ bản Nà Mùn, xã Chiềng Khay - bản Phát - bản Ít Pháy xã Cà Náng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Cà Náng; Xã Chiềng Khay	14,00	LUA, HNK, CLN, RPH	Lâu dài	Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II	20	
7	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Phát, xã Cà Náng	Xã Cà Náng	3,00	LUA, HNK, NTS	Lâu dài	Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II	20	

STT	Tên danh mục dự án/ Mục đích cần định giá/ Cấp phân hạng	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
8	Trần địa tầng máy 12,7 mm	Xã Mường Giàng, Xã Chiềng Băng	1,22	RPH, NHK	Lâu dài	Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 20/4/2009; Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 09/6/2009; Công văn số 1811/UBND ngày 27/8/2020 của UBND huyện Quỳnh Nhai; Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý III	30	
IV	Huyện Thuận Châu	39	115,36						
	<i>Dự án chuyển tiếp năm 2020</i>								
1	Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu ở xã Tông Lanh, huyện Thuận Châu (đất ở)	Xã Tông Lanh	0,78	LUA; NTS	50 năm	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND, 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Quý II	46	
	Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu ở xã Tông Lanh, huyện Thuận Châu (đất giao thông)	Xã Tông Lanh	4,01	LUA; HNK	50 năm	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND, 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Quý II	46	
2	Thủy điện Nậm Hóa I (khu vực lòng hồ)	Xã Mường Bám	69,90	LUA; HNK; CLN	50 năm	Nghị quyết số 131/NQ-HĐND, 132/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh	Quý II, III	69	
3	Trạm bảo vệ rừng thuộc BQL rừng đặc dụng - phòng hộ Thuận Châu	Xã Co Mạ	0,04	RDD	50 năm	Nghị quyết số 131/NQ-HĐND, 132/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh	Quý II	23	
4	Chính trang đồ thị theo Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ	Thị trấn Thuận Châu	0,68	CSD	50 năm	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quý IV	23	
5	Đường giao thông nội bộ trong khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ	Thị trấn Thuận Châu	1,07	CSD	50 năm	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quý IV	23	
6	Khu tái định cư các dự án đầu tư trên địa bàn thị trấn Thuận Châu	Thị trấn Thuận Châu	0,54	HNK; CLN	50 năm	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quý III, IV	46	
7	Trạm bảo vệ rừng thuộc BQL rừng đặc dụng - phòng hộ Thuận Châu tại xã Bản Lắm	Xã Bản Lắm	0,07	CLN	50 năm	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quý III, IV	23	
8	Dự án: Cấp điện nông thôn cho các xã trên địa bàn huyện Thuận Châu	Xã Muối Noi, Xã Chiềng Ngâm, Xã Bản Lắm, Xã Co Mạ, Xã Mường É, Xã Phồng Lấp, Xã Long Hẹ	7,25	LUA; HNK	50 năm	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND, 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Quý I, II	46	
9	Nhà lớp học 4 phòng trường THCS Liệp Tè, xã Liệp Tè	Xã Liệp Tè	0,02	CLN	50 năm	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Quý II	23	
10	Nhà đa năng xã Phồng Lái	Xã Phồng Lái	0,30	CLN	50 năm	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Quý I, II	23	

STT	Tên danh mục dự án/Lưu ích/ căn định giá/ Cấp phân hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích căn định giá đất (ha)	Loại đất căn định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất căn định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian căn định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
11	Dự án đầu tư tu bổ, nâng cấp đường cấp di tích lịch sử Mặt đường trước Xã Thôn Môn	Xã Thôn Môn	0,13	HNK	50 năm	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Quý III, IV	23	
12	Thủy điện Bó Sình	Xã Mường Bám, Co Mạ	5,16	LUA; HNK	50 năm	Nghị quyết số 198/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quý II, III	46	
13	Cải tạo bổ sung hồ thủy lợi Nong La	Xã Chiềng La	0,33	HNK; CLN; NTS	50 năm	Nghị quyết số 198/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quý I, II	69	
Dự án năm 2021									
14	Hồ Lãng Luông, xã Phổng Lãng	Xã Phổng Lãng	20,00	LUA; HNK; CLN; RSX; NTS	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND, 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	115	
15	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND - UBND xã Co Mạ	Xã Co Mạ	0,03	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
16	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND - UBND xã Mường Ê	Xã Mường Ê	0,10	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
17	Nâng cấp, sửa chữa đường phố 23/8, thị trấn Thuận Châu	Thị trấn Thuận Châu	0,01	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
18	Cầu qua suối đường Lê Hữu Trác	Thị trấn Thuận Châu	0,07	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
19	Nhà văn hóa bản Pù, xã Bản Lầm	Xã Bản Lầm	0,06	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
20	Nhà văn hóa bản Sáng Sang, xã Muối Nọi	xã Muối Nọi	0,05	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
21	Đường vào bản Lọng Cu xã Bó Mười	Xã Bó Mười	0,05	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
22	Nhà văn hóa xã Mường Khiêng	Xã Mường Khiêng	0,02	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
23	Chợ trung tâm xã Mường Khiêng	Xã Mường Khiêng	0,02	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
24	Nhà lớp học trường MN Ánh Dương Nong Lay	Xã Nong Lay	0,05	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
25	Nhà văn hóa bản Cửa Hàng, xã Nong Lay	Xã Nong Lay	0,03	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	

STT	Tên đơn mục địa sản/ Mục đích cần định giá/ Cơ quan hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
26	Nhà lớp học trường THPT THCS Chiềng La	Xã Chiềng La	0,02	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
27	NLH trường Mầm non Kim Đồng, Chiềng Bôm	Xã Chiềng Bôm	0,05	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
28	Nhà văn hóa xã Phông Lập	Xã Phông Lập	0,10	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
29	Chợ trung tâm xã Phông Lập	Xã Phông Lập	0,20	LUA; CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND, 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	46	
30	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Pha Lao, xã Phông Lái	Xã Phông Lái	0,25	HNK; CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	46	
31	Đường giao thông từ trung tâm xã đến bản Nà Hém xã Ế Tông	Xã Ế Tông	2,50	HNK; CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý I, II	46	
32	Cầu Pá Chóng xã Mường Bám	Xã Mường Bám	0,01	HNK	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
33	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường THCS Mường Bám	Xã Mường Bám	0,02	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
34	Nhà lớp học trường Mầm non Pá Lông	Xã Pá Lông	0,30	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
35	Nhà văn hóa bản Thái Cống, xã Phông Lăng, huyện Thuận Châu	Xã Phông Lăng	0,05	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
36	Nhà văn hóa bản Lê, xã Tổng Cọ	Xã Tổng Cọ	0,07	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
37	Nhà văn hóa bản Bon, xã Tổng Cọ	Xã Tổng Cọ	0,11	CLN	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	23	
38	Trạm y tế xã Tổng Cọ	Xã Tổng Cọ	0,45	LUA; HNK	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND, 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	46	
39	Bến xe khách Thuận Châu	Xã Chiềng Pha	0,46	LUA; HNK	50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND, 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II, III	46	
V	Huyện Sốp Cộp	9	24,23						
1	Mở rộng Đất trường mầm non Hoa Đào xã Púng Bính	Xã Púng Bính	0,12	LUC	50 năm	NQ Số 131/NQ-HĐND ngày 17/7/2019	Quý II, III	50,0	Chuyển tiếp
2	Mở rộng trường Mầm non Hoa Ban xã Mường Và	Bản Hộc, Xã Mường Và	0,11	LUC	50 năm	NQ số 158/QĐ-UBND ngày 05/12/2019	Quý I, II	50,0	Chuyển tiếp



STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
3	Đường đầu cầu Bàn Pe gần đường 105 xã Sốp Cộp	Bản Pe, Xã Sốp Cộp	1,44	LUC, CLN, NTS	50 năm	NQ Số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Quý II, III	90,0	Chuyển tiếp
4	Đường đầu cầu Bàn Pe đến Sân vận động mới xã Sốp Cộp	Bản Pe, Xã Sốp Cộp	1,53	LUC, CLN, NTS, ODT, HNK	Lâu dài, 50 năm	NQ Số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Quý II, III	90,0	Chuyển tiếp
5	Mở rộng Trường Mầm Non Hòa Mí xã Dôm Cang	Bản Dôm, Xã Dôm Cang	0,25	HNK, CLN	50 năm	NQ Số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2019	Quý II, III	50,0	Chuyển tiếp
6	Sân Vận động mới trung tâm huyện xã Sốp Cộp	Bản Pe, Xã Sốp Cộp	2,92	LUC, CLN, NTS, ODT, HNK	Lâu dài, 50 năm	NQ Số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Quý II, III	180,0	Chuyển tiếp
7	Đường giao thông quanh khu sản TT và trong khu dân cư giáp sân vận động xã Sốp Cộp	Bản Pe, bản Ban, Xã Sốp Cộp	2,84	LUC, CLN, NTS, ODT, HNK	Lâu dài, 50 năm	NQ Số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Quý II, III	160,0	Chuyển tiếp
8	Trường PTDT bán trú TH Mường Lạn, xã Mường Lạn, huyện Sốp cộp	Xã Mường Lạn	0,02	NHK	50 năm	NQ Số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	Quý II, III	20,0	
9	Bổ Trú, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Nậm Lạn, xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	Xã Mường Lạn	15	RPH, NHK	50 năm	NQ Số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	Quý II, III	300,0	
VI	Huyện Sông Mã	12	22,52						
1	Đường Mường Hung - Chiềng Khương, huyện Sông Mã (giai đoạn II)	Mường Hung - Chiềng Khương	2,0	CLN, HNK	25/12/2019, 25/12/2049	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 5/12/2019	Quý III	23,6	
2	Hệ thống đường giao thông khu đô thị Hưng Mai, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	Xã Nà Nghịu	6,52	0,44 ONT, 5,4 LUC, 0,68 CLN	21/12/2018 21/12/2068	Nghị quyết số 72-73/NQ-HĐND ngày 8/12/2017	Quý IV	30,0	
3	Sân nền khu quy hoạch cây xanh khu đô thị Hưng Mai thị trấn Sông Mã	Xã Nà Nghịu	5,37	4,0 LUC, 1,34 NTS, 0,03 SON	21/12/2018 21/12/2068	Nghị quyết số 72-73/NQ-HĐND ngày 8/12/2017	Quý IV	23,5	
4	Sân nền khu đất ở, khu dịch vụ thương mại khu đô thị Hưng Mai thị trấn Sông Mã	Xã Nà Nghịu	7,26	4,2 LUC, 0,14 CLN, 0,92 NHK, 1,37 NTS, 0,63 DGT	21/12/2018 21/12/2068	Nghị quyết số 72-73/NQ-HĐND ngày 8/12/2017	Quý IV	25,3	
5	Khu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng do thiên tai bản Nà Dôn, xã Mường Cai	Xã Mường Cai	0,44	ONT, CLN	Lâu dài	Tờ trình số 68/TT-UBND ngày 13/9/2018 của UBND xã Mường Cai	Quý II	15,2	
6	Cải tạo, chống quá tải đường dây và TBA huyện Sông Mã năm 2021	Xã Nà Nghịu	0,07	HNK	21/12/2018 21/12/2068	2100/PCSL-QLĐT ngày 25/09/2020	Quý III	14,2	

STT	Mục đích cần định giá/ Cấp độ địa phương	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Chi chú
7	Việc tư vấn lập đơn bồi thường từ lưới điện qua địa tỉnh Sơn La	Huyện Sông Mã	0,34	HNK		1721/CST-KHTCTH	Quý III	11,7	
8	Vườn hoa cây xanh Quyết Thắng	Xã Nà Nghiu	0,11	HNK	12/01/1998, 12/01/2018	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06/08/2020 của HĐND huyện Sông Mã	Quý I	12,1	
9	Nhà Văn hóa bản Cát, xã Mường Hung	Xã Mường Hung	0,15	LUC	06/10/2010, 25/10/2019	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06/08/2020 của HĐND huyện Sông Mã	Quý I	13,4	
10	Nhà Văn hóa bản Nà Hừa - Nà Nồng, xã Mường Hung	Xã Mường Hung	0,06	LUC	06/10/2010, 25/10/2020		Quý I	11,3	
11	Nhà Văn hóa bản Phiêng Pính - Nà Lừa, xã Mường Hung	Xã Mường Hung	0,05	LUC	06/10/2010, 25/10/2021		Quý I	10,4	
12	Cầu cứng qua sông Mã nối đường Lý Tư Trọng với khu đô thị Hưng Mai, huyện Sông Mã	Thị trấn Sông Mã	0,15	CLN		Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Sông Mã	Quý III	18,7	
VII	Huyện Vân Hồ	20	102,60						
1	Đường giao thông liên xã từ bản Ưông, xã Mường Men qua bản Đá Mài, xã Tô Múa - bản Pù Hiêng, xã Mường Tè	Bản Ưông, xã Mường Men, bản Đá Mài, xã Tô Múa, bản Pù Hiêng, xã Mường Tè	0,5	NHK	Lâu dài	Nghị Quyết số 24/NQ-HĐND ngày 8/9/2020	Quý I	20	
2	Hoàn thiện tuyến đường giao thông từ trung tâm bản Nà Pa (trung tâm xã) bản Chột - bản Khà Nhài - bản Ưông xã Mường Men	Xã Mường Men	0,3	NHK	Lâu dài	Nghị Quyết số 24/NQ-HĐND ngày 8/9/2020	Quý I	20	
3	Cải tạo Sân vận động khu trung tâm xã Lóng Luông	Bản Sân Cài (Trung tâm xã Lóng Luông)	0,1	CLN	50 Năm	Nghị Quyết số 24/NQ-HĐND ngày 8/9/2020	Quý I	20	
4	Khắc phục sạt lở, ngập úng khu trung tâm hành chính huyện Vân Hồ	TT Hành chính huyện Vân Hồ	15	CLN	Lâu dài	Nghị Quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý I	30	



STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
5	Đường giao thông kết nối điểm trường/Kinh sinh thái Pa Cốp, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ								
-	Đoạn qua địa phận xã Vân Hồ Km0 - Km6	bản Pa Cốp, bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ	1,89327 27,3157 1,60906 0,59605 1,183	LUK HNK CLN RST RPH		Nghị Quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý I	150	
-	Đoạn qua địa phận xã Chiềng Xuân Km6+00 - Km12+770	bản Nà Sàng, bản Tân Thành, xã Vân Hồ	2,4 4,03962 8,07326 7,1331 13,123 1,74	ONT LUK HNK CLN RST NTD					
6	Tuyến đường nội bộ khu trung tâm hành chính, chính trị huyện(từ quy hoạch chợ - đến Hồ Sao Đỏ)	TT Hành chính huyện Vân Hồ	1	ONT,CLN,NHK	Lâu dài	Nghị Quyết số 24/NQ-HĐND ngày 8/9/2020	Quý I	50	
7	Bổ trí sắp xếp ổn định dân cư tự do, rừng đặc dụng bản Láy (bản A Lang cũ), xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ (giai đoạn II)	Bản Láy, xã Tân Xuân	1,2	LUK, HNK, CLN	Lâu dài	Nghị Quyết số 24/NQ-HĐND ngày 8/9/2020	Quý I	50	
8	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng (san nền, đường giao thông, điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, nước sinh hoạt) khu dân cư đối diện trường tiểu học Sao Đỏ.	Bản Suối Lin, xã Vân Hồ	5	LUK, HNK, CLN	Lâu dài	Công văn số 2010/UBND-TCKH ngày 23/4/2020	Quý I	50	
9	Khắc phục mưa lũ đường giao thông từ trung tâm xã Chiềng Xuân đến bản Nà Sàng, xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ	Bản Suối Quanh, xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ	0,04 0,04225	ONT CLN	Lâu dài 50 năm	Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	năm 2021	50	
10	Khu dân cư đối diện trường tiểu học Sao Đỏ	Xã Vân Hồ	1,11	LUK, HNK, ONT, CLN	Lâu dài, 50 năm	Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2021	năm 2021	50	
11	Xử lý ngập úng khu vực dân cư bản Pa Chè	Xã Vân Hồ	0,5	LUK, HNK, CLN	50 năm	Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2021	năm 2021	20	
12	Trạm cân xử lý vi phạm thuộc trạm CSGT 2.6	Xã Lóng Luông	0,91	CLN, HNK	50 năm	Công văn số 1175/CAT-PH10 ngày 09/9/2019 của Công an tỉnh Sơn La		20	

STT	Mục đích cần định giá/ Cấp phân hóa	Vị trí địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
13	Thực hiện các biện pháp đôn điền phòng Tân Xuân (mới đổi tên thành Đôn điền phòng Chiềng Sơn)	Xã Tân Xuân	0,05	LUK, NHK	50 năm	Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh	năm 2021	10	
14	Dự án bố trí dân cư vùng phòng chống thiên tai khu tái định cư bản Nà Bai và bản Bó - Điểm Bó Đin	Xã Quang Minh	5	HNK	50 năm	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh	năm 2021	30	
15	Khu dân cư giáp khu giao đất đợt 4, mặt đường 9,5m khu trung tâm hành chính, chính trị huyện (11 lô)	Xã Văn Hồ	0,3	ONT	Lâu dài	Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	năm 2021	20	
16	Lô số 24 giáp lô 17, 18 A đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Văn Hồ	0,32	ONT	Lâu dài	Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	năm 2021	20	
17	Trạm dừng nghỉ, đón trả khách và trạm đăng kiểm tại huyện Văn Hồ	Xã Văn Hồ	0,8	CLN, HNK	50 năm	Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 24/6/2016; Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh Sơn La	năm 2021	30	
18	Khu 35 ha, khu trung tâm chính trị, chính trị huyện Văn Hồ	Xã Văn Hồ	0,4	CLN, HNK, ONT	50 năm	Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND huyện Văn Hồ	năm 2021	20	
19	Khu đất đổi Hoa Ban theo chi tiết trung tâm hành chính, chính trị huyện Văn Hồ	Xã Văn Hồ	0,348	DV-TM	50 năm	Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2021	năm 2021	20	
20	Khu đất đổi diện trường trường PTDT nội trú (lô 34 đã điều chỉnh quy hoạch)	Xã Văn Hồ	0,6	ONT	Lâu dài	Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2021		20	
VIII	Huyện Yên Châu	7	31,381						
1	Chợ dân sinh thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu	Xã Viêng Lán; Thị trấn Yên Châu	2,468	LUC	Lâu dài	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 24/11/2020 của HĐND huyện Yên Châu	2021	5	
2	Đường liên xã Mường Lùm - Yên Châu qua suối đi Tân Lập - Mộc Châu	Xã Mường Lùm- Yên Châu; xã Tân Lập-Mộc Châu	10,90	NHK, LUC, HTS, NHK	Lâu dài	Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 18/4/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	2021	5	
3	Kè thoát lũ suối Vạt, huyện Yên Châu	Xã Viêng Lán, thị trấn	15,557	LUC, NHK	Lâu dài	Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 của UBND tỉnh Sơn La	2021	5	
4	Khu dân cư tiểu khu 4, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu (Trụ số 661 cũ)	Thị trấn	0,001	CLN	Lâu dài	QĐ 1053/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2021	2	

STT	Tên danh mục dự án Mục đích cần định giá/ Cấp phân loại	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
5	Xử lý Cung đường den TNGT trên QL6 (Đèo Chiềng Đông) đoạn Km 253-26 Đara phần tỉnh Sơn La.	Xã Chiềng Đông	0,6993	NHK	Lâu dài	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của HĐND huyện Yên Châu	2021	5	
6	Xử lý Cung đường den TNGT trên QL6C Km4+00-Km4+200 địa phận tỉnh Sơn La	Xã Tú Nang	0,8907	NHK	Lâu dài	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của HĐND huyện Yên Châu	2021	5	
7	Xử lý Cung đường den TNGT trên QL6C đoạn Km38+480-Km38+680 địa phận tỉnh Sơn La.	Xã Yên Sơn	0,8650	NHK	Lâu dài	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của HĐND huyện Yên Châu	2021	5	
IX	Huyện Mộc Châu	28	715,97						
1	Đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu	Thị trấn NT Mộc Châu	22,00	LUA; HNK; CLN; ONT		Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ Tướng Chính phủ	Quý II	22,0	
2	Khu Trung tâm du lịch Quốc gia Mộc Châu	Thị trấn NT Mộc Châu	112,00	LUA; HNK; CLN		Quyết định 128/QĐ-TTg ngày 25/01/2019 của Thủ Tướng Chính phủ	Quý II	112,0	
3	Khu đô thị sinh thái kiểu mẫu Mộc Châu	Thị trấn NT Mộc Châu	98,78	HNK; CLN		Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh Sơn La;	Quý I	99,0	
4	Khu nhà ở dân cư tiểu khu 10	Tiểu khu 10, TT Mộc Châu	1,627	ODT		Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND huyện Mộc Châu	Quý II	17,0	
5	Thửa đất Thương mại dịch vụ (Đối diện DA Tòa nhà Đông Dương)	Thị trấn Mộc Châu	0,871	HNK		Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý II	9,0	
6	Thửa đất Thương mại dịch vụ (QH Bưu điện, Viện thông cũ, Đối diện Quảng Trường)	Thị trấn Mộc Châu	0,613	HNK		Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	Quý II	6,0	
7	Đường từ QL6 qua tiểu khu vườn đào thị trấn NT Mộc Châu đến bản Thống Cường xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	Thị trấn NT Mộc Châu	2,2	HNK; CLN		Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý II	22,0	
8	Xử lý điểm đen giao thông trên QL 43 đoạn Km 92+400- Km92+800	Xã Mường Sang	0,65	HNK; RPH		Công văn số 2771/SGTVT-KHTC ngày 26/9/2020 của Sở giao thông vận tải Sơn la	Quý II	7,0	
9	Xử lý điểm đen giao thông trên QL 43 đoạn Km 99+450- Km99+700	Xã Chiềng Sơn	0,11	HNK		Công văn số 2771/SGTVT-KHTC ngày 26/9/2020 của Sở giao thông vận tải Sơn la	Quý II	1,0	
10	Xử lý điểm đen giao thông trên QL 43 đoạn Km 101+550- Km101+750	Xã Chiềng Sơn	0,1	HNK		Công văn số 2771/SGTVT-KHTC ngày 26/9/2020 của Sở giao thông vận tải Sơn la	Quý II	1,0	
11	Hệ thống kê tuổi + đường đi bộ kè suối Ang đoạn qua tiểu khu Nhà nghỉ thị trấn NT Mộc Châu	Thị trấn NT Mộc Châu	0,3	HNK		Tờ trình số 3326/TTr-UBND ngày 16/12/2020 của UBND huyện Mộc Châu	Quý II	3,0	
12	Chỉnh trang đô thị: Đoạn Quốc lộ 6 từ Km 180+800 đến Km 187+300	Thị trấn NT Mộc Châu	3,5	HNK; CLN		Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020	Quý II	35,0	

STT	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
13	Xây dựng bãi chôn lấp rác thải huyện Mộc Châu	Xã Mường Sang	9	HNK; CLN	Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020	Quý III	90,0	
14	Thoát ngập triều Khu 19/8, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Thị trấn NT Mộc Châu	0,1	HNK	Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020	Quý III	1,0	
15	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia tỉnh Sơn La	Huyện Mộc Châu	0,17	HNK	Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	2,0	
16	Bãi rác xã Tân Lập	Xã Tân Lập	1,70	HNK	Quyết định 3675/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý II	2,0	
17	Điểm thu gom rác thải khu vực xã Đông Sang	Xã Đông Sang	1,00	HNK	Điều chỉnh bổ sung dự án: quá 03 năm không thực hiện theo NQ số 73 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II	10,0	
18	Thu hồi, đấu giá, chuyển mục đích sử dụng đất khu ngã ba Pa Lay	Xã Nà Mường	0,10	DCH	Điều chỉnh bổ sung dự án: quá 03 năm không thực hiện theo NQ số 73 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý III	1,0	
19	Hạ tầng Khu đô thị Tây Tiến	Thị trấn Mộc Châu	6,09	HNK	Điều chỉnh bổ sung dự án: quá 03 năm không thực hiện theo NQ số 73 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý III	6,0	
20	Trụ sở Công an xã Hua Păng (trong khu quy hoạch khu hành chính xã Hua Păng)	Xã Hua Păng	0,15	LUK	Văn bản số 1278/CAT-PA04 ngày 06/11/2018 của Công an tỉnh Sơn La	Quý IV	1,5	
21	Xây dựng bãi chôn lấp rác thải huyện Mộc Châu	Xã Mường Sang	9	HNK; CLN	Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý IV	90,0	
22	Đấu giá đất thương mại, dịch vụ Khu đất dự kiến QH chợ Đâu mới tại tiểu khu Vườn Đào, TTNT	Thị trấn NT Mộc Châu	1,198	HNK	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý II	119,0	
23	Khu dân cư dịch vụ cửa ngõ	Xã Phiêng Luống	39,91		Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	40,0	
24	Khu biệt thự và Sân golf Public	Xã Phiêng Luống	99,8		Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	400,0	
25	Khu dân cư dịch vụ sân Golf	Xã Phiêng Luống	19,7					
26	Khu dân cư sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí	Xã Phiêng Luống	159,55					
27	Khu dân cư dịch vụ du lịch	Thị trấn NT Mộc Châu	51,75					
28	Khu dân cư lân cận trung tâm du lịch trọng điểm	Thị trấn NT Mộc Châu	74					
X	Huyện Mai Sơn	14	77,72					



STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cấp phân loại	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kính phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
1	Đường Mường Chanh (Ban 140) - Xã Chiềng Nọi, huyện Mai Sơn	Xã Mường Chanh, xã Chiềng Nọi	37	LUC, LUK, LUN, RSX, CLN, NHK, ONT	Đất ở: lâu dài; đất nông nghiệp: 50 năm	Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của HĐND tỉnh Sơn La; dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	105	
2	Điểm đầu nối tuyến nhánh QL37 với đường QL6 cũ tại Tiểu khu 3, xã Cò Nòi	Xã Cò Nòi	0,4	CLN, ONT	Đất ở: lâu dài; đất nông nghiệp: 50 năm	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 của HĐND tỉnh Sơn La; dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	30	
3	Nâng cấp đường từ QL6 đến trung tâm vùng cây ăn quả cao nguyên Nà Sản, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn	Xã Hát Lót	0,8	CLN, HNK, ONT	Đất ở: lâu dài; đất nông nghiệp: 50 năm	Nghị quyết số 2407/NQ-HĐND ngày 04/11/2020 của HĐND tỉnh Sơn La; dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	45	
4	Khu tưởng niệm Thanh niên Xung phong Ngã ba Cò Nòi	Xã Cò Nòi	9,5	LUC, NTS, HNK; CLN, ONT, RSX, NKH	Đất ở: lâu dài; đất nông nghiệp: 50 năm	Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý I, II	105	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị mới Cò Nòi	Xã Cò Nòi	17,6	HNK, CLN, ONT	Đất ở: lâu dài; đất nông nghiệp: 50 năm	Nghị quyết số 143/NQ-HĐND ngày 31/12/2019 của HĐND tỉnh Sơn La; dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	45	

STT	Tên công trình, dự án, mục đích cần định giá/ Cơ bản hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
6	Khu Công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn 1	Xã Mường Bàng	0,4	HNK, ONT	Đất ở: lâu dài; đất nông nghiệp: 50 năm	Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I; Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 và Quyết định số 651/QĐ- UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh v/v phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I. Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 11/3/2008 của UBND tỉnh v/v thu hồi đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại xã Mường Bon, Mường Bàng huyện Mai Sơn chuyển sang đất phi nông nghiệp giao cho Ban Quản lý khu công nghiệp Mai Sơn để xây dựng khu công nghiệp	Quý I, II	40	
7	Xây dựng đường dây 35kV cấp điện cho Khu Công nghiệp Mai Sơn	Xã Mường Bàng	0,006	NHK;CLN;LUC	Đất ở: lâu dài; đất nông nghiệp: 50 năm	Nghị quyết số 212/NQ-HĐND ngày 31/07/2020 của HĐND tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh Sơn La; dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	45	
8	Xây dựng Đường dây 35kV xuất tuyến trạm 110kV cấp điện cho Khu Công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Xây dựng Đường dây 35kV xuất tuyến 110kV Mai Sơn, Mai Sơn cấp điện cho thị trấn Mai Sơn, kết nối lưới điện khu vực các huyện Bắc Yên, Yên Châu	Xã Mường Bàng; Xã Mường Bon; Thị trấn Hát Lót	0,06	NHK;CLN;ODT	Đất ở: lâu dài; đất nông nghiệp: 50 năm	Nghị quyết số 212/NQ-HĐND ngày 31/07/2020 của HĐND tỉnh Sơn La;	Quý I, II	45	
9	Doanh trại tiểu đoàn 2/E24	Xã Chiềng Mung	0,57	NHK;CLN;ODT	Đất ở: lâu dài; đất nông nghiệp: 50 năm	Công văn số 3408/K02-BQL ngày 03/12/2020 của Bộ tư lệnh cảnh sát cơ động- Bộ công an về việc đề nghị bổ sung dự án vào KH sử dụng đất năm 2021 huyện Mai Sơn	Quý I, II	45	
10	Đường dây và trạm biến áp 110 kV Mai Sơn	Xã Nà Bó, Xã Mường Bon	1,83	NHK, CLN, DGT, DNL	Đất nông nghiệp và các loại đất khác 50 năm	Nghị quyết số 251/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý I, II	60	
11	Nâng cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Sơn La	Các xã trên địa bàn huyện	0,40	NHK, CLN	Đất nông nghiệp 50 năm	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý I, II	30	




STT	Tên danh mục dự án (Mục đích của dự án, giá/Cổ phần hóa)	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
12	Khu tưởng niệm Anh hùng Xung phong Ngã ba Cò Nòi	Xã Cò Nòi	9,50	RPH, NHK, CLN, ONT, SON, NTS, LUK, DGT	Đất ở: lâu dài; đất nông nghiệp: 50 năm	Nghị quyết số 250; 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La; dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	120	
13	Xử lý điểm đen tai nạn giao thông trên QL.4G đoạn Km21+920-Km22	Xã Nà Ốt	0,10	NHK, CLN	Đất nông nghiệp 50 năm	CV số 2771/SGTVT-KHTC ngày 26/9/2020 của Sở Giao thông vận tải Sơn La; dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	30	
14	Xử lý điểm đen tai nạn giao thông trên QL.4G đoạn Km26+213-Km26+439	Xã Nà Ốt	0,12	NHK, CLN	Đất nông nghiệp 50 năm		Quý I, II	30	
XI	Huyện Bắc Yên	7	143,44						
Danh mục dự án chuyển tiếp năm 2020									
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối QL 37 huyện Bắc Yên với QL.279D huyện Mường La	Xã Phiêng Ban, Xã Chim Ván, Xã Pắc Ngá	109,90	LUC, HNK, CLN, RPH, CSD	50 năm	Nghị quyết số 179/NQ-HĐND ngày 28/2/2020 của HĐND; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 tỉnh Sơn La	Quý IV	30,0	
2	Đường bán Giáng - Bản Ngâm - Cửa Sập (sông đá)	Xã Hồng Ngài	4,50	LUC, HNK, RPH, CSD	50 năm	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 tỉnh Sơn La	Quý IV	20,0	
3	Dự án Quy hoạch bổ sung thủy điện trên suối Xím Vàng (thương lưu thủy điện Xím Vàng 2)	Xã Láng Chếu, xã Xím Vàng	1,04	LUC, RPH, CSD	50 năm	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 23/3/2020; Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 tỉnh Sơn La	Quý IV	15,0	
4	Thao trường huấn luyện Phiêng Ban (Quy mô quy hoạch rộng 250 ha)	Bản Cao Đa 1, xã Phiêng Ban	5,00	HNK	50 năm	Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 15/01/2019; Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 17/01/2020; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 tỉnh Sơn La	Quý IV	15,0	
5	Đường dây 220KV Huổi Quảng - Nghĩa Lộ (phần móng cột)	Xã Pắc Ngá, xã Hang Chú, xã Xím Vàng	2,00	LUK, RPH, HNK	50 năm	Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 23/3/2020; Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 tỉnh Sơn La	Quý IV	10,0	
Danh mục dự án thực hiện năm 2021									

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cấp nhân hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
6	Dự án mua sắm tài liệu vực bản Mống Vàng, xã Tân Yên, huyện Bắc Yên, Sơn La	Xã Tả Xùa	1,00	RSX, CSD	50 năm	Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 08/2/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	15,0	
7	Dự án mở sêriect Khu vực bản Suối Lênh, xã Hang Chú, huyện Bắc Yên, Sơn La	Xã Hang Chú	20,00	CSD	50 năm	Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 08/2/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	25,0	
XII	Huyện Phù Yên	9	63,050						
1	Bến xe khách huyện Phù Yên (phía Nam thị trấn)	Thị trấn Phù Yên	1,04	DGT	Lâu dài	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Sơn La	2021	15	
2	Thủy điện Suối Lèo	Xã Tân Lang	29,43	DNL	Lâu dài	Nghị quyết 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Sơn La	2021	80	
3	Nghĩa trang nhân dân huyện Phù Yên	Xã Huy Bắc	10,00	NTD	Lâu dài	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 16/4/2020 của HĐND huyện Phù Yên	2021	35	
4	Cầu qua suối bản suối Lèo	Xã Tân Lang	1,70	DGT	Lâu dài	Nghị quyết 197/NQ-HĐND ngày 26/6/2020 của HDND huyện	2021	15	
5	Đường tỉnh lộ 114 đi trung tâm xã Huy Tân	Xã Huy Tân	1,00	DGT	Lâu dài	Nghị quyết 17/NQ-HĐND ngày 26/6/2020 của HĐND huyện về đầu tư công	2021	15	
6	Dự án bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Suối Tre, bản Bèo Xã Tường Phong, huyện Phù Yên	Xã Tường Phong	3,00	ONT	Lâu dài	Nghị quyết 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của HDND tỉnh	2021	15	
7	Xử lý điểm đen tai nạn giao thông trên QL 37 đoạn Km398+100 - Km398+600 huyện Phù Yên tỉnh Sơn La	Xã Gia Phù, Xã Suối Bàu	0,75	DGT	Lâu dài	Công văn số 2294/SGTVT-KHTC ngày 04/9/2020 của Sở Giao thông Vận tải	2021	15	
8	Khu dân cư phía Tây đầu thị trấn Phù Yên	Xã Huy Bắc	15,93	ODT	Lâu dài	Công văn số 969/UBND-KT ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	2021	45	
9	Chỉnh trang đô thị khu dân cư bản Phố, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	0,20	ODT	Lâu dài	Nghị quyết 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	2021	5	

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ GIAO ĐẤT CÓ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT KHÔNG THÔNG QUA HÌNH THỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Ghi chú
	Tổng số dự án	25	18,33					
I	Huyện Vân Hồ	2	0,90					
Giao đất cho có thu tiền sử dụng đất								
1	02 khu đất giao cho cán bộ công chức, viên chức và các hộ gia đình phải di chuyển chỗ ở để thực hiện các dự án,	xã Vân Hồ	0,9	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	năm 2021	
II	Huyện Thuận Châu	23	17,43					
Giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất								
1	Đất ở khu dân cư bản Nà Hày, bản Lụa, bản Nà Cảnh, bản Hóp Thành	Xã Thóm Mòn	1,10	LUA	50 năm	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND, 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh	Quý II	
2	Đất ở khu dân cư bản Bai B	Xã Tông Lạnh	0,40	LUA	50 năm	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND, 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh	Quý II	
3	Đất ở khu dân cư bản Nà Luống, Nà Linh, Máy Đường, xã Chiềng Pắc	Xã Chiềng Pắc	0,50	LUA	50 năm	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND, 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Quý II	
13	Đất ở khu dân cư bản các Bia, Còng, Nà Cà, Phiêng Cại, Nà Lọ, xã Phổng Lãng	Xã Phổng Lãng	0,29	LUA	50 năm	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND, 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Quý II	
14	Đất ở khu dân cư bản Nà Lạn, Cù A, xã Tông Lạnh	Xã Tông Lạnh	0,45	LUA: 0,25 ha; CLN: 0,20 ha	50 năm	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND, 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Quý II	
15	Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu ở xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu (đất ở)	Xã Tông Lạnh	0,78	LUA: 0,58 ha; NTS: 0,20 ha	50 năm	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND, 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Quý II	
	Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu ở xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu (đất giao thông)	Xã Tông Lạnh	4,01	LUA: 1,01 ha; HNK: 3,00 ha	50 năm	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND, 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Quý II	
16	Cây xăng xã Phổng Lãng (DN Khánh Thành)	Xã Phổng Lãng	0,20	SKC	50 năm	Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của UBND tỉnh Sơn La	Quý II	
17	Cây xăng bản Thán xã Bàn Lắm	Xã Bàn Lắm	0,12	SKC	50 năm	Công văn số 1181/SCT-KHTCTH ngày 05/9/2019 của Sở Công thương	Quý I	



STT	Mục đích cần định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Ghi chú
18	Cây xăng xã Muối Nổi	Xã Muối Nổi	0,06	SKC	50 năm	Quyết định số 2444/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh Sơn La	Quý II	
19	Nhà máy chế biến Tinh Bột sắn	Xã Nong Lay	8,88	HNK: 0,86 ha; CLN: 7,52 ha; NTS: 0,02 ha; DHT: 0,35 ha; ONT: 0,11 ha; CSD: 0,02 ha	50 năm, lâu dài	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh Sơn La	Quý I	
20	Cây xăng bản Hum xã Mường Khiêng	Xã Mường Khiêng	0,20	SKC	50 năm	Công văn số 174/SKHĐT-KTĐN ngày 25/1/2018 về việc tham gia ý kiến đối với đề nghị thực hiện dự án đầu tư Cửa hàng xăng dầu Mường Khiêng	Quý I	
21	Cây xăng bản Co xã Tông Co	Xã Tông Co	0,20	SKC		Công văn số 177/CV-BQL ngày 12/10/2018 BQLDA ĐTXD	Quý II	
22	Cửa hàng xăng dầu Xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu	Xã Phổng Lái	0,12	SKC	50 năm	Công văn số 1181/SCT-KHTCTH ngày 05/9/2019 của Sở Công thương	Quý II	
23	Cửa hàng xăng dầu xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu	Xã Long Hẹ	0,12	SKC	50 năm	Công văn số 1181/SCT-KHTCTH ngày 05/9/2019 của Sở Công thương	Quý II	



DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC ĐƠN VỊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ
(Kèm theo Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh Sơn La)

Stt	Đơn vị tư vấn dự kiến thực hiện xác định giá đất cụ thể	Địa chỉ	Ghi chú
1	Công ty TNHH Đoàn Gia Sơn La	Số nhà 01, ngách 04, ngõ 283, đường Lê Đức Thọ, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	
2	Công ty cổ phần thẩm định giá và giám định Deloitte	P308 Tòa CT2D2 Chung cư VOV, đường Lương Thế Vinh, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	
3	Công ty cổ phần tài chính VIICY Việt Nam	Số 02 Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	
4	Công ty cổ phần thẩm định giá và giám định IVC Việt Nam	Phòng 2, tầng 14, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội	
5	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Sơn La	Số 56A, đường Lò Văn Giá, tổ 3, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	
6	Công ty cổ phần BHP Việt Nam	Phòng 208, nhà B, số 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	
7	Công ty TNHH tư vấn và trắc địa C&D	Tiểu khu 1, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	
8	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Vân Hồ	Bản Suối Lin, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	
9	Công ty cổ phần giám định và thẩm định tài sản Việt Nam	Lô 67 ngõ 136 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	
10	Trung tâm định giá đất và kiểm định địa chính - Tổng cục Quản lý đất đai	Số 9 ngõ 78 đường Giải Phóng, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	
11	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.	Sàn KT - TM và DV, khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.	
12	Công ty Cổ phần tư vấn quy hoạch và phát triển công nghệ Á Châu	T 97A Khu 31ha thị trấn Trâu Quỳ huyện Gia Lâm Hà Nội	